CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Bình Thạnh, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0301838116
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-08-25 16:51:21
Foxit PhantomPDF Version: 10.0.0

Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 8 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	7
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	8 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301838116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 21/10/1999, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 13 ngày 23/02/2026 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp về cập nhật địa giới hành chính.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 23/02/2026 là: 72.276.620.000 VND (*Bằng chữ: Bảy mươi hai tỷ, hai trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã chứng khoán là PMS.

Trụ sở chính của Công ty: Số 446 Nơ Trang Long, Phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Bá Tùng	Chủ tịch
Ông Đoàn Đắc Học	Thành viên
Ông Hồ Trí Lượng	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Kiên	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Huê	Trưởng ban
Ông Lê Đức Lợi	Thành viên
Ông Võ Thanh Tùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đoàn Đắc Học	Giám đốc
Ông Hồ Trí Lượng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Kiếm	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Đoàn Đắc Học
Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2026

CPA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, P. Khương Đình, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 378/2026/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu, được lập ngày 24 tháng 8 năm 2026, từ trang 04 đến trang 31, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1
Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐTV
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

	TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2026 VND	01/01/2026 (trình bày lại) VND
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+160)**	**100**		**79.023.865.732**	**69.324.874.784**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5.1**	**22.610.060.563**	**12.859.421.613**
1.	Tiền	111		22.610.060.563	12.859.421.613
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**32.153.049.856**	**33.596.797.381**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	22.598.955.672	30.231.822.041
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	7.426.168.681	880.489.683
5.	Phải thu ngắn hạn khác	135	5.4	2.127.925.503	2.484.485.657
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**5.5**	**21.029.767.963**	**22.776.933.504**
1.	Hàng tồn kho	141		21.029.767.963	22.776.933.504
VI.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**160**		**3.230.987.350**	**91.722.286**
1.	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.6	2.930.726.401	91.722.286
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	162		64.285.144	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.13	235.975.805	-
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+260+270)**	**200**		**117.264.847.970**	**119.672.628.777**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**265.000.000**	**265.000.000**
5.	Phải thu dài hạn khác	215	5.4	265.000.000	265.000.000
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**10.578.286.323**	**12.814.359.592**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	9.435.597.287	11.648.408.682
	- Nguyên giá	*222*		*101.138.657.054*	*101.138.657.054*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(91.703.059.767)*	*(89.490.248.372)*
3.	Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.142.689.036	1.165.950.910
	- Nguyên giá	*228*		*2.080.950.110*	*2.080.950.110*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(938.261.074)*	*(914.999.200)*
VI.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**260**	**5.9**	**100.037.210.441**	**100.037.210.441**
1.	Đầu tư vào công ty con	261		89.000.000.000	89.000.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		11.037.210.441	11.037.210.441
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		355.000.000	355.000.000
4.	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(355.000.000)	(355.000.000)
VII	**Tài sản dài hạn khác**	**270**		**6.384.351.206**	**6.556.058.744**
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.6	6.384.351.206	6.556.058.744
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	**280**		**196.288.713.702**	**188.997.503.561**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

	NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2026 VND	01/01/2026 (trình bày lại) VND
C-	**NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)**	**300**		**51.449.576.004**	**45.357.894.473**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**48.380.966.004**	**42.156.524.473**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	14.401.172.517	14.597.957.080
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	9.728.175.002	5.709.151.998
3.	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	5.12	9.943.999.486	8.427.866.476
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.13	3.598.046.261	619.785.694
5.	Phải trả người lao động	315		2.550.014.378	3.054.077.730
6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.14	997.871.004	2.082.220.004
10.	Phải trả ngắn hạn khác	320	5.15	6.549.650.788	7.215.078.923
13.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		612.036.568	450.386.568
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**3.068.610.000**	**3.201.370.000**
8.	Phải trả dài hạn khác	338	5.15	1.310.000.000	1.416.000.000
13.	Dự phòng phải trả dài hạn	343		1.758.610.000	1.785.370.000
D-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**	**5.16**	**144.839.137.698**	**143.639.609.088**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		72.276.620.000	72.276.620.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*72.276.620.000*	*72.276.620.000*
2.	Thặng dư vốn	412		25.425.165.374	25.425.165.374
5.	Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(343.472.600)	(343.472.600)
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		40.673.334.997	40.673.334.997
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.807.489.927	5.607.961.317
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*420a*		-	-
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*420b*		*6.807.489.927*	*5.607.961.317*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**196.288.713.702**	**188.997.503.561**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đỗ Thị Hồng Hạnh	Trần Văn Phúc	Đoàn Đắc Học

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	481.283.633.387	330.480.332.104
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	481.283.633.387	330.480.332.104
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.2	465.892.548.445	315.483.189.087
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**15.391.084.942**	**14.997.143.017**
6.	Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7.	Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	31.742.007.854	24.671.567.436
8.	Chi phí tài chính	23	6.4	115.589.201	154.696.009
	Trong đó: Chi phí đi vay	*24*		*51.000.000*	*153.150.685*
9.	Chi phí bán hàng	25	6.5	8.135.867.736	7.747.094.923
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	6.145.925.062	6.047.355.533
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+22-(23+25+26)}**	**30**		**32.735.710.797**	**25.719.563.988**
12.	Thu nhập khác	31	6.6	4.166.725	68.024.885
13.	Chi phí khác	32	6.6	-	183.625.550
14.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**	6.6	**4.166.725**	**(115.600.665)**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)**	**50**		**32.739.877.522**	**25.603.963.323**
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	224.948.210	228.887.418
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**32.514.929.312**	**25.375.075.905**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đỗ Thị Hồng Hạnh	Trần Văn Phúc	Đoàn Đắc Học

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. *Lợi nhuận trước thuế*	***01***		***32.739.877.522***	***25.603.963.323***
2. *Điều chỉnh cho các khoản*				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.394.693.961	2.326.521.247
- Các khoản dự phòng	03		-	(3.000.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(459.367)	(51.681)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(31.720.401.599)	(24.667.691.652)
- Chi phí đi vay	06		51.000.000	153.150.685
3. *Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*	***08***		***3.464.710.517***	***3.412.891.922***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.161.441.691	12.881.856.504
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.747.165.541	5.757.765.564
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.942.279.400	(2.188.592.037)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(2.825.917.269)	(2.361.856.978)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(51.000.000)	(153.150.685)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(529.053.901)	(194.099.773)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.356.990.000)	(3.121.319.392)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***4.552.635.979***	***14.033.495.125***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.702.905.263	24.667.691.652
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**31.702.905.263**	**24.667.691.652**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		3.000.000.000	14.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.000.000.000)	(25.600.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.504.902.880)	(20.583.074.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		**(26.504.902.880)**	**(32.183.074.450)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**9.750.638.362**	**6.518.112.327**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5.1**	**12.859.421.613**	**13.124.519.373**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		588	51.681
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**5.1**	**22.610.060.563**	**19.642.683.381**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đỗ Thị Hồng Hạnh	Trần Văn Phúc	Đoàn Đắc Học

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301838116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 21/10/1999, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 13 ngày 23/02/2026 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp về cập nhật địa giới hành chính.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 23/02/2026 là: 72.276.620.000 VND (*Bằng chữ: Bảy mươi hai tỷ, hai trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã chứng khoán là PMS.

Trụ sở chính của Công ty: Số 446 Nơ Trang Long, Phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh cơ khí bao bì. Đóng mới sửa chữa bồn bể;
- Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh. Kinh doanh vật tư, thiết bị xăng dầu. Kinh doanh cơ khí bao bì. Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh;
- Cải tạo xe chuyên dùng. Sửa chữa xe bồn các loại. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Đóng mới, sửa chữa tàu, xà lan và các sản phẩm cơ khí khác;
- Thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải;
- Mua bán xăng dầu. Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Thi công lắp đặt hệ thống đường ống áp lực, hệ thống phòng cháy, chữa cháy;
- Đầu tư xây dựng, cho thuê hạ tầng cơ sở khu công nghiệp, trung tâm thương mại;

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Kinh doanh xăng dầu và thi công lắp đặt nhận diện thương hiệu.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng Dầu Đồng Nai	Lô 108-109-110, KCN Dệt May Nhơn Trạch, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất, kinh doanh cơ khí bao bì. Đóng mới sửa chữa bồn bể…	100%	100%	100%
Công ty liên kết					
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	Kho B, Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, xã Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh các loại vật tư, thiết bị công nghiệp ngành gas, xăng, dầu, …	49%	49%	49%

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có các đơn vị trực thuộc hoạt động kinh doanh xăng dầu như sau:

Đơn vị	Địa chỉ
Hạch toán độc lập	
Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Tân Bình – Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng Dầu	Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh

1.5 Số lượng người lao động tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán

Số lao động tại ngày 30/6/2026 là 50 người (Số lao động tại ngày 31/12/2025 là 51 người).

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt niên độ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát mà được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

  Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào Công ty liên kết: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

  Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

  Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư khác:

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Phần mềm tin học được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Quyền sử dụng đất là Lô đất có diện tích 3.000,5 m2 tại Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, có thời hạn sử dụng đến 05/10/2055.

Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản và các chi phí chờ phân bổ khác

Chi phí tiền thuê đất tại Quốc lộ 1A, phường Long An, tỉnh Tây Ninh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng đến ngày 10/8/2046.

Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Phải trả người bán, Phải trả khác

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả khác được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả này được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản của nhà cung cấp hoặc người bán (là đơn vị độc lập với người mua). Khoản phải trả người bán bao gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả này là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí khác: Trích trước chi phí ăn ca, tiền điện, chi phí vận chuyển theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là Khoản chi phí bảo hành thi công nhận diện thương hiệu.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng tình hình tài chính.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và được Đại hội cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hợp đồng xây dựng.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của công trình xây dựng, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt	172.426.985	162.174.637
Tiền gửi không kỳ hạn (*)	22.437.633.578	12.697.246.976
Cộng	**22.610.060.563**	**12.859.421.613**

(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn:

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	6.358.857.800	3.725.558.713
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	9.429.454.389	1.877.735.900
Ngân Hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	5.969.627.923	4.813.910.672
Ngân hàng khác	679.693.466	2.280.041.691
Cộng	**22.437.633.578**	**12.697.246.976**

5.2 Phải thu khách hàng

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	**22.598.955.672**	-	**30.231.822.041**	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	513.000.000	-	1.471.080.000	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Nai	2.318.477.352	-	6.667.177.287	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Gia Lai	-	-	5.679.788.455	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Khánh Hòa	-	-	5.635.590.737	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Phước Nguyễn	954.100.285	-	954.100.285	-
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	6.730.200.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Tiến Ngọc Chương	1.798.070.242	-	291.830.242	-
Các đối tượng khác	10.285.107.793	-	9.532.255.035	-
Cộng	**22.598.955.672**	-	**30.231.822.041**	-
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	***14.571.569.144***	-	***23.125.010.728***	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.3 Trả trước người bán

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	**7.426.168.681**	-	**880.489.683**	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Công nghệ Phong Phú	-	-	472.823.520	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật MEGA	7.227.120.161	-	240.682.901	-
Các đối tượng khác	199.048.520	-	166.983.262	-
Cộng	**7.426.168.681**	-	**880.489.683**	-

5.4 Phải thu khác

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	**2.127.925.503**	-	**2.484.485.657**	-
Tạm ứng (*)	297.074.950	-	30.059.950	-
Ký cược, ký quỹ	69.049.202	-	69.683.432	-
Phải thu khác	1.761.801.351	-	2.384.742.275	-
Phải thu về thuế TNCN	*323.422.379*		*569.859.423*	-
Phải thu giao khoán các cửa hàng xăng dầu	-	-	*408.507.789*	-
Phải thu khác	*1.438.378.972*	-	*1.406.375.063*	-
Dài hạn	**265.000.000**	-	**265.000.000**	-
Ký cược, ký quỹ	265.000.000	-	265.000.000	-
Cộng	**2.392.925.503**	-	**2.749.485.657**	-

(*) Tiền tạm ứng cán bộ nhân viên là khoản tiền Công ty ứng cho nhân viên để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hoặc giải quyết công việc được giao theo quy chế quản lý tài chính của Công ty.

5.5 Hàng tồn kho

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.231.422.273	-	14.569.176.633	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.798.769.867	-	4.150.257.399	-
Hàng hóa	4.999.575.823	-	4.057.499.472	-
Cộng	**21.029.767.963**	-	**22.776.933.504**	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.6 Chi phí trả trước

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**2.930.726.401**	**91.722.286**
Chi phí tiền thuê đất	2.930.726.401	-
Chi phí chờ phân bổ khác	-	91.722.286
Dài hạn	**6.384.351.206**	**6.556.058.744**
Chi phí tiền thuê đất (*)	6.371.264.360	6.529.885.052
Chi phí thuê và sửa chữa văn phòng	13.086.846	26.173.692
Cộng	**9.315.077.607**	**6.647.781.030**

(*) Giá trị chuyển nhượng quyền thuê đất là trạm kinh doanh xăng dầu tại Quốc lộ 1A, phường Long An, tỉnh Tây Ninh được phân bổ theo thời hạn đến ngày 10/8/2046.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2026	**15.740.494.056**	**75.003.660.513**	**10.223.342.031**	**171.160.454**	**101.138.657.054**
Số dư tại 30/06/2026	**15.740.494.056**	**75.003.660.513**	**10.223.342.031**	**171.160.454**	**101.138.657.054**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2026	**12.495.275.344**	**68.132.293.573**	**8.705.354.211**	**157.325.244**	**89.490.248.372**
Khấu hao trong kỳ	514.481.094	1.365.012.631	327.783.576	5.534.094	2.212.811.395
Số dư tại 30/06/2026	**13.009.756.438**	**69.497.306.204**	**9.033.137.787**	**162.859.338**	**91.703.059.767**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2026	**3.245.218.712**	**6.871.366.940**	**1.517.987.820**	**13.835.210**	**11.648.408.682**
Tại 30/06/2026	**2.730.737.618**	**5.506.354.309**	**1.190.204.244**	**8.301.116**	**9.435.597.287**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 62.168.500.163 VND (tại ngày 01/01/2026 là 61.090.535.428 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm tin học	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2026	**1.860.950.110**	**220.000.000**	**2.080.950.110**
Số dư tại 30/6/2026	**1.860.950.110**	**220.000.000**	**2.080.950.110**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2026	**694.999.200**	**220.000.000**	**914.999.200**
Khấu hao trong kỳ	23.261.874	-	23.261.874
Số dư tại 30/6/2026	**718.261.074**	**220.000.000**	**938.261.074**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2026	**1.165.950.910**	**-**	**1.165.950.910**
Tại 30/6/2026	**1.142.689.036**	**-**	**1.142.689.036**

(*) Quyền sử dụng đất là Lô đất có diện tích 3.000,5 m^2 tại Lê Hồng Phong, Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, có thời hạn sử dụng đến 05/10/2055.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 220.000.000 VND (tại ngày 01/01/2026 là 220.000.000 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.9 Đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			**89.000.000.000**	**89.000.000.000**	-	**89.000.000.000**	**89.000.000.000**	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	100,0%	100,0%	89.000.000.000	89.000.000.000	-	89.000.000.000	89.000.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết			**11.037.210.441**	**11.037.210.441**	-	**11.037.210.441**	**11.037.210.441**	-
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	49,00%	49,00%	11.037.210.441	11.037.210.441	-	11.037.210.441	11.037.210.441	-
Đầu tư vào đơn vị khác			**355.000.000**	-	**(355.000.000)**	**355.000.000**	-	**(355.000.000)**
Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi (5000 Cổ phiếu)			355.000.000	-	(355.000.000)	355.000.000	-	(355.000.000)
Cộng			**100.392.210.441**	**100.037.210.441**	**(355.000.000)**	**100.392.210.441**	**100.037.210.441**	**(355.000.000)**

Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và Công ty con, liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 7.1 - Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.10 Phải trả người bán

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**14.401.172.517**	**14.597.957.080**
Công ty TNHH TM DV Cơ khí Xây dựng Nam Phương	49.887.893	100.044.406
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất Quảng Cáo Phương Nam	232.342.923	2.279.982.064
GRISWORLD PUMP COMPANY	-	1.572.669.942
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn	13.513.867.039	8.550.508.299
Các đối tượng khác	605.074.662	2.094.752.369
Cộng	**14.401.172.517**	**14.597.957.080**
Trong đó:		
Phải trả người bán là các bên liên quan	***13.513.867.039***	***8.550.508.299***
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)		

5.11 Người mua trả trước

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**9.728.175.002**	**5.709.151.998**
CN Petrolimex Ninh Thuận - Cty TNHH MTV Petrolime	5.047.954.919	5.064.310.919
Công ty Cổ phần Tin học viễn thông Petrolimex	1.719.153.615	-
Công ty Cổ phần tập đoàn Xây lắp I - Petrolimex	2.136.750.000	-
Các đối tượng khác	824.316.468	644.841.079
Cộng	**9.728.175.002**	**5.709.151.998**
Trong đó:		
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	***8.935.358.534***	***5.095.810.919***
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)		

5.12 Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	30/6/2026 VND	01/01/2026 (trình bày lại) VND
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận (*)	9.943.999.486	8.427.866.476
Cộng	**9.943.999.486**	**8.427.866.476**

(*) Cổ tức phải trả bao gồm 1.598.001.600 VND là cổ tức phải trả cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 và 8.345.997.886 VND là cổ tức chưa được trả từ các năm trước cho các cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và chưa đến trực tiếp Công ty làm thủ tục nhận cho đến hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.13 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

	01/01/2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2026 VND
Phải nộp	**619.785.694**	**8.915.652.493**	**5.937.391.926**	**3.598.046.261**
Ngắn hạn	*619.785.694*	*8.915.652.493*	*5.937.391.926*	*3.598.046.261*
Thuế giá trị gia tăng	309.637.830	1.667.183.600	1.817.201.203	159.620.227
Thuế xuất nhập khẩu	-	9.245.506	9.245.506	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	93.699.432	224.948.210	318.647.642	-
Thuế thu nhập cá nhân	216.448.432	913.648.277	722.316.125	407.780.584
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	6.100.626.900	3.069.981.450	3.030.645.450
Phải thu	-	-	**235.975.805**	**235.975.805**
Ngắn hạn	-	-	*235.975.805*	*235.975.805*
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	25.569.546	25.569.546
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	210.406.259	210.406.259

5.14 Chi phí phải trả

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**997.871.004**	**2.082.220.004**
Trích trước giá vốn các công trình xây dựng, thi công	-	2.046.700.000
Trích trước chi phí thiết bị	959.666.000	-
Chi phí trích trước khác	38.205.004	35.520.004
Cộng	**997.871.004**	**2.082.220.004**

5.15 Phải trả khác

	30/6/2026 VND	01/01/2026 (trình bày lại) VND
Ngắn hạn	**6.549.650.788**	**7.215.078.923**
Kinh phí công đoàn	68.265.100	61.430.300
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.481.385.688	7.153.648.623
Phải trả các đội thi công	*1.738.987.930*	*4.566.619.599*
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	*1.501.089.902*	-
Phải trả phải nộp khác	*3.241.307.856*	*2.587.029.024*
Dài hạn	**1.310.000.000**	**1.416.000.000**
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.310.000.000	1.416.000.000
Cộng	**7.859.650.788**	**8.631.078.923**
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan	***1.501.089.902***	-
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2025	**72.276.620.000**	**25.425.165.374**	**(343.472.600)**	**40.673.334.997**	**5.341.781.010**	**143.373.428.781**
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	25.002.868.491	25.002.868.491
Chia cổ tức năm 2024	-	-	-	-	(21.605.316.000)	(21.605.316.000)
Chia quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024	-	-	-	-	(1.468.672.184)	(1.468.672.184)
Trích bổ sung thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	-	(481.500.000)	(481.500.000)
Tạm trích thù lao HĐQT, BKS không tham gia điều hành từ lợi nhuận năm 2025 (*)	-	-	-	-	(238.000.000)	(238.000.000)
Chi khen thưởng HĐQT, BKS, BĐH và Cán bộ quản lý	-	-	-	-	(943.200.000)	(943.200.000)
Số dư tại 01/01/2026	**72.276.620.000**	**25.425.165.374**	**(343.472.600)**	**40.673.334.997**	**5.607.961.317**	**143.639.609.088**
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	32.514.929.312	32.514.929.312
Chia cổ tức năm 2025 (*)	-	-	-	-	(28.086.910.800)	(28.086.910.800)
Trích bổ sung thù lao HĐQT, BKS không tham gia điều hành từ lợi nhuận năm 2025 (*)	-	-	-	-	(557.200.000)	(557.200.000)
Tạm chia thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2026 (**)	-	-	-	-	(99.000.000)	(99.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 (*)	-	-	-	-	(1.629.089.902)	(1.629.089.902)
Chi khen thưởng HĐQT, BKS, BĐH và Cán bộ quản lý (*)	-	-	-	-	(943.200.000)	(943.200.000)
Số dư tại 30/06/2026	**72.276.620.000**	**25.425.165.374**	**(343.472.600)**	**40.673.334.997**	**6.807.489.927**	**144.839.137.698**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2026 số 001/PMS-NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/04/2026 đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2025, theo đó thông qua việc chi trả cổ tức số tiền 28.086.910.800 VND; trích quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 1.629.089.902 VND; trích thù lao HĐQT, BKS không tham gia điều hành số tiền 795.200.000 VND; Chi thưởng HĐQT, BKS, BĐH và Cán bộ quản lý số tiền 943.200.000 VND.

(**) Các khoản tạm trích thù lao HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2026 được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2025 số 001/PMS-NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/04/2026.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	33.248.770.000	33.248.770.000
Bà Trần Thị Hiền	8.155.600.000	8.155.600.000
Vốn góp của các cổ đông	30.613.350.000	30.613.350.000
Cổ phiếu quỹ	258.900.000	258.900.000
Cộng	**72.276.620.000**	**72.276.620.000**

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	72.276.620.000	72.276.620.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	72.276.620.000	72.276.620.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**28.086.910.800**	**21.605.316.000**

d. Cổ phiếu

	30/06/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**7.227.662**	**7.227.662**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**7.227.662**	**7.227.662**
Cổ phiếu phổ thông	7.227.662	7.227.662
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**7.227.662**	**7.227.662**
Cổ phiếu phổ thông	7.227.662	7.227.662
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.17 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ

a. Nợ khó đòi đã xử lý

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	3.100.110.177	3.100.110.177

b. Ngoại tệ

	30/6/2026	01/01/2026
Ngoại tệ các loại		
Tiền gửi Ngân hàng		
USD	*5.154,81*	*5.161,41*

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng hóa	475.539.491.602	320.884.855.960
Doanh thu thi công nhận dạng thương hiệu	436.920.571	1.810.391.964
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.307.221.214	7.785.084.180
Cộng	**481.283.633.387**	**330.480.332.104**
Trong đó:		
Doanh thu từ các bên liên quan *(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)*	***23.990.491.450***	***13.797.531.709***

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	462.470.033.928	311.516.498.522
Giá vốn thi công nhận dạng thương hiệu	427.382.200	1.570.443.130
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.995.132.317	2.396.247.435
Cộng	**465.892.548.445**	**315.483.189.087**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.496.336	16.554.904
Cổ tức, lợi nhuận được chia	31.720.401.599	24.616.791.362
Lãi bán hàng trả chậm, trả góp	3.650.552	34.345.386
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	459.367	51.681
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	3.824.103
Cộng	**31.742.007.854**	**24.671.567.436**
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan:	***31.720.401.599***	***24.616.791.362***
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)		

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí đi vay	51.000.000	153.150.685
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	64.589.201	1.545.324
Cộng	**115.589.201**	**154.696.009**

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí bán hàng	**8.135.867.736**	**7.747.094.923**
Chi phí nhân viên	1.749.164.535	1.538.567.263
Chi phí vật liệu, bao bì	-	387.135.500
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	13.485.000	21.702.565
Chi phí khấu hao TSCĐ	558.777.690	558.777.690
Chi phí/(hoàn nhập) bảo hành		(3.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.860.613.554	4.873.224.842
Các khoản chi phí khác	1.953.826.957	370.687.063
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**6.145.925.062**	**6.047.355.533**
Chi phí nhân viên quản lý	3.813.413.122	3.539.658.907
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	19.309.008
Chi phí khấu hao TSCĐ	395.188.524	396.361.362
Thuế phí và lệ phí	-	6.115.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	138.350.000	1.275.254.825
Các khoản chi phí khác	1.798.973.416	810.656.431
Cộng	**14.281.792.798**	**13.794.450.456**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.6 Thu nhập khác, chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Thu nhập khác		
Hoàn trả lợi nhuận hợp tác kinh doanh	-	68.000.000
Thu nhập khác	4.166.725	24.885
Cộng	**4.166.725**	**68.024.885**
Chi phí khác		
Bồi thường, phạt vi phạm hợp đồng	-	183.625.550
Cộng	**-**	**183.625.550**
Lợi nhuận khác	**4.166.725**	**(115.600.665)**

6.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 (Trình bày lại) VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**32.739.877.522**	**25.603.963.323**
Các khoản điều chỉnh tăng	105.265.129	225.265.129
Chi phí không được trừ (Chi phí khấu hao vượt định mú	*105.265.129*	*105.265.129*
Lợi nhuận hợp tác kinh doanh	-	*120.000.000*
Các khoản điều chỉnh giảm	31.720.401.599	24.684.791.362
Cổ tức, lợi nhuận được chia	*31.720.401.599*	*24.616.791.362*
Lợi nhuận hợp tác kinh doanh	-	*68.000.000*
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	**1.124.741.052**	**1.144.437.090**
Thuế tính theo thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**224.948.210**	**228.887.418**

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 (Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	427.382.200	2.027.313.438
Chi phí nhân công	5.562.577.657	5.078.226.170
Chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí thuê đất	2.394.693.961	2.326.521.247
Chi phí dự phòng	-	(3.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	466.183.647.370	318.356.795.363
Chi phí khác	5.606.040.055	1.491.783.325
Cộng	**480.174.341.243**	**329.277.639.543**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch các bên liên quan

Danh sách bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ của Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	Công ty liên kết
CTCP Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex	Công ty liên kết của Cổ đông lớn
Các Công ty con, Công ty liên kết trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Người quản lý khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác	Lương và thù lao	2.716.763.000	2.546.495.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Giao dịch các bên liên quan (Tiếp theo)

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Người quản lý khác (Tiếp theo)

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Hội đồng quản trị		**1.017.600.000**	**882.100.000**
Ông Nguyễn Bá Tùng	Chủ tịch	64.100.000	-
Ông Đinh Viết Hoàng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 01/10/2025)	198.600.000	272.900.000
Ông Nguyễn Quang Kiên	Thành viên	221.600.000	195.800.000
Ông Đoàn Đắc Học	Thành viên	194.100.000	130.800.000
Ông Hồ Trí Lượng	Thành viên	169.600.000	130.800.000
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên	169.600.000	151.800.000
Ban Kiểm soát		**600.600.000**	**532.800.000**
Bà Nguyễn Thị Huê	Trưởng ban	236.600.000	210.800.000
Ông Lê Đức Lợi	Thành viên	182.000.000	161.000.000
Ông Võ Thanh Tùng	Thành viên	182.000.000	161.000.000
Ban Giám đốc		**917.836.000**	**954.959.000**
Ông Đoàn Đắc Học	Giám đốc	277.439.000	274.813.000
Ông Hồ Trí Lượng	Phó Giám đốc	222.099.000	212.407.000
Ông Nguyễn Duy Hải	Phó Giám đốc	220.698.000	231.682.000
Ông Nguyễn Hồng Kiếm	Phó Giám đốc	197.600.000	236.057.000
Những người quản lý khác		**180.727.000**	**176.636.000**
Ông Trần Văn Phúc	Kế toán trưởng	180.727.000	176.636.000
Cộng		**2.716.763.000**	**2.546.495.000**

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Mua hàng			**401.274.514.900**	**234.738.316.000**
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Mua hàng hóa	-	712.480.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn	Cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	401.274.514.900	234.025.836.000
Bán hàng			**23.990.491.450**	**13.797.531.709**
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Cho thuê tài sản	3.450.000.000	5.950.000.000
		Bán hàng hóa	251.010.353	176.129.833
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn	Bán hàng hóa	14.990.000.000	5.101.582.818
Các Công ty con trực tiếp và Công ty con gián tiếp của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	5.299.481.097	2.569.819.058

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Giao dịch các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Doanh thu hoạt động tài chính			**31.720.401.599**	**24.616.791.362**
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Lợi nhuận được chia	22.116.228.575	17.669.647.183
Công ty TNHH Cơ khí GAS P.M.G	Công ty liên kết	Cổ tức	9.604.173.024	6.947.144.179
Giao dịch khác			**14.468.110.202**	**13.345.486.334**
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Chia quỹ khen thưởng phúc lợi	1.501.089.902	1.470.672.184
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	12.967.020.300	11.874.814.150

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			**14.571.569.144**	**23.125.010.728**
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Bán hàng hóa	513.000.000	1.471.080.000
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn	Bán hàng hóa	6.730.200.000	-
Các Công ty con, Công ty liên kết trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Công ty con	Bán hàng hóa	3.664.184.572	21.653.930.728
Phải trả người bán ngắn hạn			**13.513.867.039**	**8.550.508.299**
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn	Cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	13.513.867.039	8.550.508.299
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			**8.935.358.534**	**5.095.810.919**
Chi nhánh Petrolimex Ninh Thuận - Công ty TNHH MTV Petrolimex	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	5.047.954.919	5.064.310.919
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 - Petrolimex	Công ty liên kết của Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	2.168.250.000	31.500.000
Công ty Cổ phần Tin học viễn thông Petrolimex	Công ty con của Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	1.719.153.615	-
Các khoản phải trả khác ngắn hạn			**1.501.089.902**	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai	Công ty con	Chia quỹ khen thưởng phúc lợi	1.501.089.902	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Các cam kết

Cam kết liên quan đến hợp đồng thuê hoạt động mà Công ty là bên đi thuê

Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu thuê hoạt động 02 lô đất sau:

- Lô đất tại 446 Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 8.030,8 m^2 sử dụng làm văn phòng làm việc và xưởng sản xuất. Thời hạn thuê đất ngắn hạn hàng năm cho đến khi nhà nước thực hiện quy hoạch và được gia hạn trong từng năm kế tiếp nếu nhà nước không có quyết định điều chỉnh, thu hồi đất; số tiền thuê phải trả năm 2026 là 6.818.149.200 VND.
- Lô đất tại Quốc lộ 1A, phường Long An, tỉnh Tây Ninh với tổng diện tích là 596 m^2 sử dụng làm địa điểm kinh doanh cửa hàng xăng dầu. Thời hạn thuê đất đến 10/8/2046; số tiền thuê phải trả năm 2026 là 72.570.000 VND.

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán riêng giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Để thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại một số khoản mục tại ngày 01/01/2026 trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ như sau:

Khoản mục	MS	Tại ngày 01/01/2026 (Trình bày lại) VND	Tại ngày 31/12/2025 (Đã trình bày) VND	Chênh lệch VND
Nợ ngắn hạn	**310**	**42.156.524.473**	**42.156.524.473**	**-**
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	8.427.866.476	-	8.427.866.476
Phải trả ngắn hạn khác	320	7.215.078.923	15.642.945.399	(8.427.866.476)
Tổng nguồn vốn	**440**	**188.997.503.561**	**188.997.503.561**	**-**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đỗ Thị Hồng Hạnh	Trần Văn Phúc	Đoàn Đắc Học